TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 13-01-2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Vào ngày **13** tháng **01** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST - DS ngày 25/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú An, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: số A, ấp B, xã D, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông Phan Thanh H, sinh năm 1982 (Có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà L có ông Phan Thanh H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Cùng Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan*: Ông Lâm Công T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của ông T có bà Đinh Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: số A, ấp B, xã C, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Vào ngày 30/02/2019, ông H, bà L có đến nhà của bà T để cầm 01 chiếc xe tải biển số: 64C – 05674 số tiền là 60.000.000đồng, có làm giấy tay, có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Đến tháng 05/2019 có trả được số tiền vốn là 24.000.000đồng, không đóng lãi, số tiền lãi từ tháng 02/2019 đến tháng 05/2019 bà T không yêu cầu ông H, bà L trả. Còn nợ lại 36.000.000đồng, có ghi biên nhận nợ ngày 20/5/2019 nhưng đến nay chưa trả.

Nay bà T yêu cầu ông H, bà L trả số vốn 36.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 16 tháng với lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 5.760.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.240.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả dứt nợ.

- Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L có ông Phan Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào tháng 02/2019 vợ chồng ông H, bà L có đến Tiệm cầm đồ của bà T tên là Công T để cầm chiếc xe tải 64C – 05674, kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Thanh B đứng tên, không nhớ rõ số thửa, diện tích là bao nhiêu, với số tiền là 80.000.000đồng nhưng hiện nay hợp đồng cầm cố (biên nhận) là ông H không giữ do bà T người giữ. Khi cầm đồ có làm giấy tay tại nhà bà T, vợ chồng ông H, bà L không giữ bất cứ giấy tờ gì. Không thỏa thuận thời hạn cầm, thỏa thuận miệng lãi suất là bao nhiêu không biết nhưng bà T có đến nhà thu 04 lần lãi là 8.000.000đồng từ tháng 02/2019 đến tháng 05/2019, nhưng không trả vốn.

Đến ngày 20/5/2019 bà T có kêu ông H lại nhà bà T để xác nhận số tiền nợ lãi là 36.000.000đồng, có ký biên nhận biên nhận nợ là 36.000.000đồng, thời hạn trả là 03 tháng, không tính lãi. Ông H thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là chữ ký của ông H.

Chiều cùng ngày 20/5/2019 ông H cầm số tiền 80.000.000đồng đến nhà bà T để trả số tiền vốn, khi trả có làm giấy tay, giấy tay bà T giữ hiện nay ông H, bà L không có giữ. Khi trả tiền thì có chồng bà T và người làm của bà T chứng kiến, trả tiền xong thì bà T đã trả cho ông H giấy tờ xe và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông H.

Nay vợ chồng ông H, bà L không đồng ý trả số vốn 36.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 16 tháng với lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 5.760.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.000đồng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông T đại diện có bà T trình bày:* Ông T thống nhất theo lời trình bày của bà T không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự và thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy vụ án không có thu thập các tài liệu, chứng cứ do đương sự tự cung cấp nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ yêu cầu vợ chồng ông H, bà L trả số tiền vốn là 36.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 16 tháng với lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 5.760.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, việc cầm cố tài sản giữa bà T và vợ chồng ông H, bà L đối với số tiền 36.000.000đồng thì giữa các bên có viết giấy nhận nợ và vợ chồng ông H, bà L cũng thừa nhận có nợ bà T số tiền này. Do đó đây là sự việc có thật, các bên đã thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu về lãi suất 1%/ tháng của bà T yêu cầu đối với số tiền 36.000.000đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 16 tháng với lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 5.760.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà L có ông H làm đại diện không đồng ý trả vốn và lãi là 41.760.000đồng cho bà T, vì cho rằng đã trả xong nợ cho bà T vào ngày 20/5/2020 nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Buộc ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị T số tiền vốn 36.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 5.760.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà L, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 41.760.000đồng x 5% = 2.088.000đồng.

+ Hoàn cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.017.000đồng theo biên lai thu số 0010304 ngày 03/7/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

Buộc ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị T số tiền vốn 36.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 5.760.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.088.000đồng.

+ Hoàn cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.017.000đồng theo biên lai thu số 0010304 ngày 03/7/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Chi